

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 05/2022/DS - PT

Ngày: 11/01/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Minh Lý và ông Vương Hồng Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị H - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2021/TLPT - DS ngày 05 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, chuyển giao nghĩa vụ cho người khác.

Do bản dân sự sơ thẩm số: 10/2010/DS - ST ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 64/QĐPT - DS ngày 14 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Tổ 28 (nay số nhà 61, tổ 11), đường CVA, phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh N;

Địa chỉ: Tổ 19, phường PĐP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Ông Lương Thế M sinh năm 1976;

Địa chỉ: Tổ 5, TS, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Kim C; Địa chỉ: Tổ 3, phường TV, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt);

3.2. Ông Triệu Quốc N; Địa chỉ: Thôn BB, xã TQ, thị xã KM, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, cũng như người đại diện theo ủy quyền của bà H là bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày: Ngày 11/6/2009, bà H cho ông Triệu Quốc N vay số tiền 450.000.000đ, khi cho vay có ký kết hợp đồng vay tiền, thời hạn vay tối thiểu là một năm, lãi suất 1% (4.500.000 đồng/01tháng). Ngày 11/7/2010, bà H ký tiếp hợp đồng cho ông N vay 150.000.000đ, thời hạn trả nợ tối thiểu là một năm. Ngày 10/8/2010, bà Trần Kim C (là mẹ đẻ ông N) đã cùng với ông N thống nhất chuyển số nợ 600.000.000đ, mà ông N vay của bà H cho ông Lương Thế M và ông M phải có trách nhiệm trả nợ cho bà H (có Giấy biên nhận và Giấy chuyển nợ kèm theo). Ông M hẹn đến cuối năm 2010 trả cho bà H 300.000.000đ, sang đến năm 2011 sẽ thanh toán nốt số tiền còn lại là 300.000.000đ, ngoài ra hàng tháng ông M cam kết trả tiền lãi là 4.500.000đ/01 tháng cho bà H. Đến hạn trả nợ, ông M không trả nợ và cũng không trả tiền lãi như đã cam kết, nhiều lần bà H yêu cầu ông M trả nợ nhưng ông M không trả. Nay bà H yêu cầu Tòa án buộc ông M phải trả cho bà toàn bộ số tiền vay nợ gốc 600.000.000đ, và tiền lãi từ ngày khởi kiện đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Lương Thế M trình bày: Năm 2006, ông vay tiền lãi ngày của bà C với các khoản vay khác nhau, lãi suất từ 3.500đ đến 5.000đ/01 ngày. Tháng 8/2010, bà C đưa bà H đến gặp ông để trao đổi về việc chuyển nợ từ bà C sang cho ông với số tiền là 600.000.000đ, lãi suất 3.500đ/01 ngày, có sự chứng kiến của ông ở Văn phòng Công ty của ông tại KCN SC. Khi đó, bà H trình bày bà đang là Phó Giám đốc, Đoàn Ca múa dân gian, để bà C nợ bà H thì không phù hợp, vì đây là cho vay lãi ngày. Nên đề nghị chuyển số nợ gốc 600.000.000đ và tiền lãi cho ông, ông có trách nhiệm trả nợ bà H thay bà C theo sự bàn bạc, thống nhất của 03 bên gồm ông, bà C và bà H. Sau khi ông viết Giấy nhận chuyển nợ thì bà C phải trả cho ông giấy vay nợ bà H trước đó. Nhưng sau đó, bà C không chuyển lại giấy cho ông, với lý do bà H chưa trả lại giấy nợ cho bà C, nên bà C chưa thể trả lại giấy nợ cho ông. Sau đó, nhiều lần bà H xuống đòi tiền ông, ông đã nói giấy chuyển nợ ngày 10/8/2010 không có giá trị vì bà H, bà C lừa gạt ông. Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, ông xác định giấy chuyển nợ ngày 10/8/2010 không có giá trị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Trần Kim C và ông Triệu Quốc N. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi thông báo thụ lý và Giấy triệu tập theo địa chỉ trong đơn khởi kiện bà H cung cấp là số 24 ngõ 165, phường TV, thành phố TN, nhưng không thấy ông N và bà C đến Tòa án theo giấy triệu tập. Tòa án xác minh ngày 19/01/2021, Công an phường TV, thành phố TN cung cấp: Thời điểm năm 2018, bà Trần Kim C và ông Triệu Quốc N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 5, phường TV, thành phố TN (nay đã sáp nhập chuyển thành Tổ 3, phường TV). Bà C đến thời điểm hiện tại vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ

3, phường TV, thành phố TN, nhưng thực tế hiện bà C không còn sinh sống tại địa phương mà từ lâu đã bán nhà, chuyển đi nơi khác, không làm thủ tục chuyển khẩu nên không biết bà C đang sinh sống ở đâu. Đối với ông N, khoảng đầu năm 2020 đã chuyển khẩu đến thôn BB, xã TQ, thị xã KM, tỉnh Hải Dương. Hiện ông N không còn cư trú, sinh sống tại phường TV, thành phố TN. Tòa án đã có quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân thị xã KM lấy lời khai; làm thủ tục tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với ông N. Tòa án nhân dân thị xã KM xác minh tại xã TQ, thị xã KM, xác định: Ngày 27/02/2020, ông N làm thủ tục nhập khẩu vào hộ gia đình bà Nguyễn Thị Mai, địa chỉ: Thôn BB, xã TQ, thị xã KM, ông N hiện đi làm ăn, không có mặt tại địa phương, bà Mai không biết ông N làm gì và làm ở đâu và không liên lạc được với ông N. Tòa án nhân dân thị xã KM đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng đối với ông Triệu Quốc N.

Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn là bà H đã giao nộp:

- Bản gốc Giấy vay tiền (chuyển nợ), chính ông M viết có nội dung: Anh Lương Thế M nhận chuyển nợ từ bà Trần Kim C, chuyển sang bà Nguyễn Thị H... Số tiền là 600.000.000đ, hạn đến cuối năm sẽ thanh toán số tiền 300.000.000đ, sang đến 2011 sẽ thanh toán nốt số tiền còn lại. Ngoài ra hàng tháng sẽ thanh toán cho bà H số tiền là 4.500.000đ (bốn triệu, năm trăm ngàn đồng). Đến thời hạn trên xin cam kết thanh toán đầy đủ, nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Cuối giấy vay tiền ghi ngày 10/8/2010, có chữ ký, viết tên: Người vay: Lương Thế M; người nhận: Nguyễn Thị H; Người chuyển nợ: Trần Kim C, Triệu Quốc N.

- Bản gốc Giấy biên nhận, nội dung ghi “Hôm nay, ngày 10/8/2010, tôi đã nhận lại 02 bản hợp đồng về việc anh Triệu Quốc N vay tiền của bà Nguyễn Thị H (01 bản vay 450.000.000đ và 01 bản 150.000.000đ) số tiền này tôi đã chuyển về anh Lương Thế M trả cho bà H. Vậy, kể từ ngày hôm nay, giữa anh N và bà H không còn nợ nần gì nhau nữa. Các giấy tờ vay mượn trước đây không còn giá trị nữa”. Cuối giấy biên nhận ghi ngày 10/8/2010, có chữ Quốc N (bà C thay); chữ ký, viết tên: Trần Kim C, Triệu Quốc N; người đưa trả hợp đồng: Nguyễn Thị H; người làm chứng: Lương Thế M và Bản phô tô: Hợp đồng cho vay tiền ngày 11/6/2009, nội dung: Đại diện bên cho vay (A): Nguyễn Thị H; Đại diện bên vay (B): Triệu Quốc N. Điều 1: *Số lượng tiền vay, phương thức vay*: 1, Bên A đồng ý cho bên B vay với số tiền: 450.000.000 đồng; 2, Thời hạn vay: Tối thiểu 1 năm (trường hợp có thể trả trước cả gốc và lãi sẽ được tính điều chỉnh lại hợp đồng); Phương thức cho vay: Vay bằng tiền mặt, trả bằng tiền mặt, vào ngày 11 hàng tháng trả lãi suất Ngân hàng: 1% = 4.500.000đ, trả trước 1 ngày, vào ngày mùng 10 hàng tháng. Vay trong thời gian 1 năm phải trả cả gốc và lãi. Điều 2. *Lãi suất...* Điều 3. *Những cam kết chung...* Điều 4. *Hiệu lực của hợp đồng*. Phần cuối có chữ

ký, viết tên: Đại diện bên cho vay (A): Nguyễn Thị H; Người làm chứng: Trần Kim C; Đại diện bên vay (B): Triệu Quốc N; Hợp đồng cho vay tiền ngày 11/7/2010, nội dung: Đại diện bên cho vay (A): Nguyễn Thị H; Đại diện bên vay (B): Triệu Quốc N. Điều 1: *Số lượng tiền vay, phương thức vay*: 1, Bên A đồng ý cho bên B vay với số tiền 150.000.000đ; 2, Thời hạn vay: Tối thiểu 1 năm; Phương thức cho vay: Vay bằng tiền mặt, trả bằng tiền mặt. Trường hợp bên B không có nhu cầu sử dụng số tiền vay trên, muốn trả trước thời hạn, thì cũng phải thông báo cho bên A biết trước 15 ngày... Điều 2. *Những cam kết chung*... Điều 3. *Hiệu lực của hợp đồng*... Phần cuối có chữ ký, viết tên: Đại diện bên cho vay (A): Nguyễn Thị H; Người làm chứng: Vợ: Nguyễn Thị V; Đại diện bên vay (B): Triệu Quốc N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt cho các đương sự theo quy định của pháp luật, tuy nhiên người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nghĩa có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử tại phiên tòa công khai.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số 10/2021/DSSt ngày 02/8/2021, của Tòa án thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228; Điều 235; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 688, 463, 466, 468, 370, 280, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ NQ - UBTWQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Lương Thế M phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay nợ gốc 600.000.000đ, và lãi tính từ ngày 27/6/2018 đến ngày 27/7/2021 là 166.500.000đ, tổng cộng: 766.500.000đ (bảy trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng) thay cho ông Triệu Quốc N theo Hợp đồng vay tiền ngày 11/6/2009, ngày 11/7/2010, Giấy vay tiền (chuyển nợ) và Giấy biên nhận ngày 10/8/2018.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông M chậm thanh toán còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Lương Thế M phải chịu 26.660.000đ, án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị H 14.000.000đ, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010944 ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/8/2021 ông Lương Thế M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông phải trả cho bà H 600.000.000đ tiền gốc và lãi suất 166.500.000đ, là chưa đủ căn cứ pháp lý. Đề nghị Tòa án tỉnh xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông M vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim C, anh Triệu Quốc N không có lý do. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Kim C và ông Triệu Quốc N.

[2] Xét kháng cáo của ông Lương Thế M cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông phải trả cho bà H 600.000.000đ, tiền gốc và lãi suất 166.500.000đ, là chưa đủ căn cứ pháp lý. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 11/6/2009, bà Nguyễn Thị H cho ông Triệu Quốc N vay số tiền 450.000.000đ, thời hạn vay tối thiểu một năm, lãi suất 4.500.000đ/01tháng. Ngày 11/7/2010, bà H tiếp tục cho ông N vay 150.000.000đ, thời hạn trả nợ tối thiểu là một năm. Hai lần cho vay tiền đều có Hợp đồng cho vay. Ngày 10/8/2010, bà Trần Kim C (là mẹ đẻ ông N) đã cùng với ông N, bà H và ông Lương Thế M thỏa thuận, thống nhất chuyển số nợ 600.000.000đ, từ bà C (thực tế các bên đều xác nhận là khoản vay của ông N) cho ông M và ông M phải có trách nhiệm trả nợ cho bà H số tiền 600.000.000đ và lãi suất 4.500.000đ/01 tháng, ông M nhất trí và tự viết giấy hẹn đến cuối năm 2010 trả cho bà H 300.000.000đ, sang đến năm 2011 sẽ thanh toán nốt số tiền còn lại. Cùng ngày 10/8/2010, bà H đã trả cho ông N, bà C 02 Giấy biên nhận theo nội dung các bên đã làm Giấy biên nhận *“Tôi đã nhận lại 02 bản hợp đồng về việc anh Triệu Quốc N vay tiền của bà Nguyễn Thị H (01 bản vay 450.000.000đ và 01 bản 150.000.000đ) số tiền này tôi đã chuyển về anh Lương Thế M trả cho bà H. Vậy, kể từ ngày hôm nay, giữa anh N và bà H không còn nợ nần gì nhau nữa. Các giấy tờ vay mượn trước đây không còn giá trị nữa”*. Cả giấy chuyển nợ và Giấy biên nhận đều có đầy đủ chữ ký, viết tên của bà H, bà C, ông N và ông M. Đến hạn trả nợ, ông M không trả nợ và cũng không trả tiền lãi suất như đã cam kết, do vậy bà H khởi kiện yêu cầu ông M phải trả số tiền vay nợ gốc 600.000.000đ, và lãi suất tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án 27/6/2018 đến ngày 27/7/2021 là có căn cứ, tại phiên tòa phúc thẩm ông M cho rằng ông chấp nhận trả nợ thay cho bà C và anh N

cho bà H số tiền trên nhưng với điều kiện bà C và anh N phải trả lại cho ông giấy vay tiền gốc giữa ông và bà C, anh N, tuy nhiên đây chỉ là lời khai của ông M vì không có tài liệu nào để chứng minh khi ông nhận trả nợ thay cho bà C, anh N có điều kiện nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông M, nếu ông M, bà C và anh N có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của ông Lương Thế Mạnh giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 688, 463, 466, 468, 370, 280, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của ông Lương Thế M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2021/DSST ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Lương Thế M phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay nợ gốc 600.000.000đ, (sáu trăm triệu đồng) và lãi suất tính từ ngày Tòa án sơ thẩm thụ lý 27/6/2018 đến ngày 27/7/2021 là 166.500.000đ (một trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng: 766.500.000đ (bảy trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng) thay cho ông Triệu Quốc N theo Hợp đồng vay tiền ngày 11/6/2009, ngày 11/7/2010, Giấy vay tiền (chuyển nợ) và Giấy biên nhận ngày 10/8/2018.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông M chậm thanh toán còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Lương Thế M phải chịu 26.660.000đ, (hai mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ, (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm. Xác nhận ông M đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0008226 ngày 18/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị H 14.000.000đ, (mười bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010944 ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Hồng Giang – Nguyễn Minh Lý

Nguyễn Văn Quế

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TANDTP SC;
- Chi cục THA DS TP. SC;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Quế

